TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MINH** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 10 năm 2019
V/v ly hôn ,tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Chiều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Ấn;

2. Bà Phạm Thị Thoả.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Hoàng Văn Đạng – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà*:** Ông Ma Phúc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Yên Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2019/TLST- HNGĐ ngày 07/3/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vàng Thị S

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Có mặt.

2. Bị đơn:
- Anh Tẩn Seo T
Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang.
Vắng mặt (lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2019 và Bản tự khai đề ngày 07/3/2019 của nguyên đơn chị Vàng Thị S trình bày:

Chị và anh Tẩn Seo T, sinh năm 1988, trú tại Thôn P, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang, qua tìm hiểu quen biết nhau và có 01 con chung, sau đó hai anh, chị đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 29/3/2016 tại UBND xã N, huyện Y, tỉnh

Hà Giang. Anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 02 tháng kể từ ngày đăng ký kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên chởi bới đánh đập chị, khiến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến mức chị phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ mấy lần để sinh sống, sau đó vì anh T đã vài lần xin lỗi chị và được chị tha thứ quay về chung sống với nhau, tuy nhiên anh T không sửa đổi tính tình và mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng kể từ tháng 11 năm 2018 chị và anh T đã sống ly thân nhau cho đến nay, bản thân chị nhận thấy không còn tình cảm gì với anh T nữa, nếu cứ tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn.

Về con chung: Chị S khai chị và anh T có 02 con chung là cháu Tẩn Thị N, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2014 và cháu Tẩn Gia B, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2016. Khi ly hôn, chị S đề nghị trong đơn ly hôn và Bản tự khai, để anh T nuôi dưỡng 02 con chung và chị không phải cấp dưỡng nuôi con, tại các phiên hòa giải chị S thay đổi yêu cầu về con chung, chị muốn được giao cháu Tẩn Thị N cho chị nuôi dưỡng, anh T nuôi dưỡng cháu Tẩn Gia B.

Về tài sản và công nợ chung: Chị S xác nhận chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/6/2019 và ý kiến tại các phiên hòa giải của bị đơn Tẩn Seo T trình bày: Về quá trình quen biết, thời điểm kết hôn, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đúng như lời trình bày của chị S, tuy nhiên về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị S lười lao động, không chịu làm ăn, có thói quen xấu, hay giận dỗi mỗi khi vợ chồng mâu thuẫn với nhau chị S lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Ý kiến của anh T không nhất trí ly hôn.

Về con chung: anh T xác nhận có 02 con chung như lời khai của chị S. Tại biên bản ghi lời khai và ý kiến tại các phiên hòa giải anh T đều có quan điểm nếu ly hôn anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: anh T xác nhận trong các tài liệu trong hồ sơ vụ án là anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú của chị S, anh T thể hiện hai anh chị kết hôn từ năm 2016 có với nhau hai con chung, tuy nhiên quá trình chung sống hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi, chửi nhau mặc dù chính quyền địa phương can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả hiện chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, hiện hai anh chị sống ly thân nhau, không còn quan tâm gì đến nhau nữa, tình trạng vợ chồng của chị S, anh T đã thực sự trầm trọng, không thể cứu vãn được nữa, nếu cứ tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc.

Tại biên bản xác minh về điều kiện việc làm, thu nhập, mức sống bình quân trên địa bàn nơi cư trú của các đương sự thể hiện. Chị S, anh T đều làm nông nghiệp (Trồng trọt, chăn nuôi) để nuôi sống bản thân, con cái và gia đình, ngoài ra anh chị không có khoản thu nhập ổn định nào khác; Mức thu nhập bình quân tại địa bàn thôn P, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang là 700.000đ/01 người/ 01 tháng.

Quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng, tuy nhiên anh T không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa, đồng thời không báo với Tòa án về lý do vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Tại phiên toà ngày hôm nay, chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn vì chị không còn tình cảm gì với anh T nữa; Về con chung, chị S khai do hiện tại chị đang đi làm ở xa, mặt khác hai con chung đang ở và đi học với anh T, chị đề nghị Tòa án giao 02 con chung là cháu Tẩn Thị N Tẩn và cháu Tẩn Gia B cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Anh Tẩn Seo T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, tuy nhiên trong các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện quan điểm của anh T không nhất trí ly hôn, nếu phải ly hôn anh đề nghị nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị S cấp dưỡng; về tài sản, công nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh tham gia phiên toà có quan điểm:

1. Việc chấp hành pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ pháp luật Tố tụng dân sự đã quy định, đối với bị đơn dân sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành không đầy đủ các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vàng Thị S;

- Về con chung: Cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Vàng Thị S, giao con chung cháu Tẩn Thị N và cháu Tẩn Gia B cho bị đơn anh Tẩn Seo T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Chị Vàng Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến, kết quả tranh luận tại phiên tòa của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh.

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Tẩn Seo T là bị đơn trong vụ án hiện đang cư trú tại thôn P, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

Tại phiên tòa anh Tẩn Seo T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Xét nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn khai nhận: Chị và anh Tẩn Seo T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29/3/2016 tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn anh, chị đã có với nhau 01 con chung, sau khi kết hôn anh, chị có thêm 01 con chung.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T thường xuyên chửi bới, đánh đập chị khiến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hai anh, chị sống ly thân nhau từ cuối tháng 11/2018 cho đến nay.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị S và anh T phát sinh từ năm 2016 nguyên nhân là do anh T hay chửi bới chị S nên giữa hai anh, chị phát sinh mâu thuẫn đỉnh điểm cho đến thời điểm cuối tháng 11/2018 anh chị sống ly thân nhau cho đến nay, căn cứ vào xác minh tại nơi cư trú của chị S và anh T thấy mâu thuẫn anh, chị đã thực sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài.

[4] Xét yêu cầu của bị đơn: Anh Tẩn Seo T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn chị Vàng Thị S, tuy nhiên anh T không đưa ra lý do cũng như không yêu cầu Tòa án hòa giải cho anh và chị S được đoàn tụ do vậy HĐXX không chấp nhận yêu cầu của anh T.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy tình trạng vợ chồng giữa chị S và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc cho ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Đối với các cháu Tẩn Thị N, cháu Tẩn Gia B là con chung của chị S và anh T, anh T có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, tại phiên tòa chị S có nguyện vọng giao cháu N, cháu Bảo cho anh T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy chị S và anh T đều có khả năng nuôi con là như nhau vì cả hai đều có công việc là làm nghề trồng trọt. Tuy nhiên hiện chị S đang phải đi làm xa nhà, không thuận tiện cho việc trông nom chăm sóc giáo dục con chung, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về con chung, giao cháu Tẩn Thị N và cháu Tẩn Gia B cho anh Tẩn Seo T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự đều khai đã tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Vàng Thị S và bị đơn anh Tẩn Seo T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Tẩn Thị N, sinh ngày 31/8/2014 và cháu Tẩn Gia B, sinh ngày 05/4/2016 cho anh Tẩn Seo T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu N, B đủ 18 tuổi.

Chị Vàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Chị Vàng Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Minh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BB/2013/ 05763 ngày 07/3/2019.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã N, huyện Y, tỉnh. Hà Giang;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đức Chiều